TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 12 - 4 - 2022
V/v: Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Vũ Ngọc Huynh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2021/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn"*. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 63/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 220/2022/QĐPT ngày 02 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hà Quốc Th, sinh năm 1960, địa chỉ thường trú: Số 14921 Vanburen St # b Midway City – CA 92655, Hoa Kỳ; địa chỉ tạm trú: Số 255, đường T, ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Loan T sinh năm 1984; địa chỉ: Số 417, Đường 30-4, Khu phố 1, Phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Thái H - Luật sư của Công ty Luật B; địa chỉ: Số 417, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1, thành phố T; thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Kim A, sinh năm 1960, địa chỉ: Số 297, đường Phạm Văn Đ, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (Số cũ: M775G ấp Hiệp Hòa, xã Hiệp Tân, huyện H); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1/ Anh Hà Nguyên T2; địa chỉ: Số 47A, ấp H, xã H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2/ Anh Diệp Văn C, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 56, đường số 24, B, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Nguyễn Văn C sinh năm 1984; địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.2 Chị Nguyễn Kim D sinh năm 1998; địa chỉ: Số 57, đường Thành Thái, Khu phố 2, thị trấn Hòa Thành, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Kim A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-8-2019 của ông Hà Quốc Th và những lời khai tiếp theo ông Th trình bày:

1. Hôn nhân: Ông Th và bà A chung sống vợ chồng từ năm 1980, đến năm 1985 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông và bà sống có hạnh phúc, nhưng đến năm 2003 ông Th bị bệnh, bà A không chăm sóc và có yêu cầu ông Th giao tiền để bà A làm ăn riêng. Từ năm 2003, bà A đã sống ly thân với ông Th; nhưng ông Th và bà A vẫn sống chung 1 nhà. Năm 2008, bà A vỡ nợ, ông Th phải trả nợ số tiền trên 1 tỷ đồng. Năm 2009, ông Th thành lập Công ty Long Hiệp Ph mua bán bột mì, để bà A đứng tên. Năm 2014, ông Th và bà A sang Hoa Kỳ định cư cùng con gái; bà A sống tại Hoa Kỳ được 4 tháng trở về Việt Nam đến nay. Năm 2019, ông Th trở về Việt Nam; giữa ông Th và bà A có nhiều bất hòa nên bà A đuổi ông Th ra khỏi nhà cho rằng nhà đất tài sản riêng của bà A. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhiều vấn đề, không nói chuyện được với nhau, bà A tự quyền tự quyết. Nay ông Th có yêu cầu được ly hôn bà A.

2. Con chung: Ông Th và bà A có 03 con chung tên Hà Nguyên T sinh ngày 03 tháng 01 năm 1987, Hà Thị Ngọc G sinh ngày 19 tháng 02 năm 1983, Hà Nguyễn Huy Th sinh ngày 28 tháng 02 năm 1999; các con chung đã trưởng thành, có gia đình, ông không yêu cầu giải quyết.

3. Nợ chung: Ông Th xác định không có.

4. Tài sản chung:

Ông Th và bà A có tài sản chung tạo lập trong hôn nhân gồm:

+ Phần đất tại địa chỉ: ấp H, xã H, huyện H (nay thị xã H), tỉnh Tây Ninh; đã cho con đẻ tên Hà Nguyên T từ năm 2015, nên ông không tranh chấp.

+ Phần đất có diện tích 190,5m^2, thửa 73, tờ bản đồ số 35; địa chỉ: Số M775G, ấp H, xã H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (số mới: 297, đường Phạm Văn Đ, khu phố H, phường H, thị xã H); đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện H (nay thị xã H), tỉnh Tây Ninh cấp ngày 15-11-2001 cho hộ ông bà Hà Quốc Th. Trên đất có nhà và 1 tầng; được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu ngày 25-11-2002 cho chủ sở hữu Hà Quốc Th và Nguyễn Kim A; đến ngày 03-6-2016 Sở TN&MT tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất cho bà Nguyễn Kim A.

Nay ông Th yêu cầu chia tài sản chung quyền sử dụng đất diện tích 190,5m^2 và tài sản nhà và 1 tầng trên đất; thuộc thửa 73, tờ bản đồ số 35; địa chỉ: Số M775G, ấp H, xã H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (số mới: 297, đường Phạm Văn Đ, khu phố H, phường Hiệp Tân, thị xã H); theo quy định của pháp luật; ông yêu cầu chia giá trị bằng tiền.

Về nguồn gốc của tài sản chung yêu cầu chia: Do ông Th và bà A sang nhượng của vợ chồng ông Đoàn Văn V, bà Nguyễn Thị C; diện tích 190,5m^2 đất từ ngày 25-10-2001 với số tiền 40.000.000 đồng, có Hợp đồng chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân huyện H xác nhận; đến ngày 15-11-2001 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa 73, tờ bản đồ số 35 cho hộ ông bà Hà Quốc Th. Năm 2002, ông Th và bà A xây nhà; đến ngày 25-01-2002 Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cấp 2, số tầng: 02, diện tích 190,20m^2 cho chủ sở hữu chung ông và bà A.

Về nguồn tiền để sang nhượng phần đất của ông V, bà C và xây nhà cấp 2 như sau:

Tại Đơn xin bổ sung lời khai đề ngày17-5-2020, ông Th trình bày (bút lục số 126 của hồ sơ vụ án):

+ Năm 1985, ông được cha mẹ đẻ cho vốn và hợp đồng Công ty Lương thực Dương Minh C xây lò mì, ông quản lý làm chủ và lo kinh tế gia đình; ông hợp đồng kinh doanh bán bột mì cho Công ty lương thực. Năm 1990, ông được cha mẹ đẻ cho nhà đất tại địa chỉ: Số H107/4, Khóm 2, thị trấn H và sống ở đây. Năm 1998, cha mẹ đẻ ông cho lò mì, sau đó ông mua nhà cho con gái tại Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 48 lượng vàng. Năm 2000, lò mì bị ô nhiễm nên bị rút giấy phép kinh doanh, ông sang nhượng cho ông Dương Văn H 30 lượng vàng. Đến năm 2001, ông sang nhượng nhà đất tại số H107/4, Khóm 2, thị trấn Hòa Thành được 36 lượng vàng, cộng với nguồn tiền của vợ chồng, ông mua đất của ông Vàng và bà Củ và xây nhà trệt 1 tầng lầu trên đất đến nay.

+ Từ năm 2001 - 2003, ông và bà A ly thân, nhưng ông có nhờ bà A đi Thành phố Hồ Chí Minh lấy tiền hàng, dù bị bệnh nhưng xe nhà vẫn giao hàng, ông vẫn lo thủ tục hành chính với nhà máy. Ông dành dụm mua 3 mẫu rẫy, thấy bệnh giảm, ông bán rẫy dùng tiền mua xe tải HINO 7 tấn kinh doanh. Ông có trúng số độc đắc.

+ Từ năm 2008-2009, bà A vỡ nợ, bán tài sản, bán nhà đất đã cho con gái nhưng không hỏi ý kiến của ông; tài sản còn lại xe tải từ 2-3 tấn, khi ông kiểm tra sổ sách thấy nợ nhiều, vốn đã hết, bà A bàn giao nợ, ông phải trả nợ số tiền trên 1 tỷ đồng.

+ Từ năm 2009 - 2013, ông thành lập Công ty Long Hiệp P để bà A giám đốc, ông điều hành, Công ty ngày phát triển.

+ Đến năm 2014, ông còn nợ ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng, để vợ chồng được sang định cư tại Hoa Kỳ thì ông phải thanh toán xong nợ.

+ Năm 2015, ông và bà A đang sinh sống tại Hoa Kỳ; ông có viết giấy tay ủy quyền cho bà A quản lý tiền và tự quyết định chi tiêu trong gia đình, giấy này không có công chứng của lãnh sự quán Việt Nam tại Mỹ.

+ Ngày 10-11-2014, bà A sống tại Hoa Kỳ; bà muốn bán nhà đất bên Việt Nam để đem tiền sang Hoa Kỳ mua nhà ở ổn định, ông có viết giấy ủy quyền nhà đất.

+ Ông không có lập "*Hợp đồng ủy quyền*" đề ngày 29-6-2015; hợp đồng này không có giá trị pháp lý, bởi lẽ không thể hiện ý chí của các bên, không có mặt 2 người để lập hợp đồng và ký vào hợp đồng, không có chứng từ hợp pháp về quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng, nên ông yêu cầu giám định chữ ký tên và viết tên của ông.

Hợp đồng ủy quyền ngày 29-6-2015 tại California không có thật.

Văn bản "*Thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng* " đề ngày 25-11-2015 không phải chữ ký tên, viết tên của ông Th; bà A cũng thừa nhận.

4. Nợ chung: không có.

Ông Th có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Bị đơn - bà Nguyễn Kim A trình bày tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án:

1. Hôn nhân**:** Theo đơn khởi kiện ngày 17-3-2019, bà A yêu cầu ly hôn ông Hà Quốc Th; bà A xác nhận thời gian chung sống vợ chồng và kết hôn như ông Th trình bày. Ngày 06-8-2020, bà A có đơn rút yêu cầu khởi kiện, không đồng ý ly hôn. Tại Bản tự khai ngày 09-9-2020, bà A đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của bà và bà A đã tự nguyện thuận tình ly hôn ông Hà Quốc Th.

2. Con chung: Bà A xác định con chung như ông Th trình bày và không yêu cầu giải quyết.

3. Tài sản chung:

+ Bà A xác định không có.

+ Đối với tài sản ông Th đang tranh chấp, thửa đất 73, tờ bản đồ 35, diện tích 190,5m^2; địa chỉ: Số 297, đường P, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (số cũ: M77/5, đường N, ấp H, xã H, huyện H); trước đây do bà A và ông Th cùng đứng tên; nhưng trong thời gian ông Th sống tại Hoa Kỳ; bà A ở Việt

Nam mua bán, không thể định đoạt được tài sản, nên vợ chồng bà thống nhất lập "*Hợp đồng ủy quyền" vào ngày 29- 6- 2015 tại California* có xác nhận của Tổng lãnh sự quán; việc thỏa thuận này có điều kiện, bà A đã giao cho ông Th số tiền 300.000.000 đồng tại Hoa Kỳ. Ngoài ra, bà và ông Th đã lập văn bản*"Thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng"* vào ngày 25-11- 2015 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh. Ông Th cho bà được quyền sang nhượng, tặng cho tài sản nhà đất này, nên bà A đã làm thủ tục sang tên, được Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03-6-2016, nên không còn tài sản chung và không có tài sản chung nào khác.

+ Nay bà A không đồng ý chia.

4. Nợ chung: Những lời khai ban đầu, bà A xác định nợ chung số tiền 4.665.000.000 đồng, gồm chủ nợ: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh - Phòng giao dịch H số tiền nợ 700.000.000 đồng; Công ty TNHH Chế biến XNK X số tiền nợ 2.415.000.000 đồng; vợ chồng anh Hà Nguyên T và chị Nguyễn Thị Kim T số tiền nợ 1.050.000.000 đồng (nợ con chung); vợ chồng ông Nguyễn Thanh Ph và bà Nguyễn Thị K So số tiền nợ 500.000.000 đồng (nợ em ruột của bà) và có yêu cầu chia ½ nợ chung. Sau đó, bà thay đổi lời khai, xác định số tiền nợ 4.665.000.000 đồng không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày tại biên bản lấy lời khai:

1. *Anh Nguyễn Văn C trình bày*: Ngày 09-10-2018, anh trực tiếp ký hợp đồng thuê nhà, đất của bà Nguyễn Kim A gồm 01 kiot tại địa chỉ nhà đất đang tranh chấp, mục đích kinh doanh, thời hạn thuê 60 tháng, hàng tháng thanh toán tiền thuê cho bà A. Tài sản thuê không có đầu tư xây dựng thêm. Đất và nhà đang thuê đang bị tranh chấp, nếu bà A được chia nhà đất, anh có nguyện vọng tiếp tục thuê, nếu không được chia anh sẽ thương lượng người được chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thuê nhà đất giữa anh và bà A.

2.*Chị Nguyễn Kim D trình bày*: Ngày 15-9-2020, chị có ký Hợp đồng thuê nhà đất của bà Nguyễn Kim A; hợp đồng thuê không theo quy định của pháp luật; thời hạn thuê 03 năm 6 tháng, diện tích nhà đất thuê ngang 8 mét dài 16 mét, mục đích thuê ở. Chị không yêu cầu giải quyết việc thuê nhà đất giữa chị và bà A trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp chị khởi kiện vụ án khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2021/HNGĐ-ST ngày 29/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 33, 38, 56, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Quốc Th đối với bà Nguyễn Kim A về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình và chia tài sản chung ".

1. Hôn nhân: Cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa ông Hà Quốc Th và bà Nguyễn Kim A.

2. Tài sản chung: Tổng giá trị tài sản chung ông Hà Quốc Th yêu cầu chia có giá trị 11.669.901.473 (mười một tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm lẻ một ngàn, bốn trăm bảy mươi ba) đồng;

2.1 Chia cho ông Hà Quốc Th số tiền 7.001.940.883 (bảy tỷ, không trăm lẻ một triệu, chín trăm bốn mươi ngàn, tám trăm tám mươi ba) đồng.

2.2 Chia cho bà Nguyễn Kim A số tiền 4.667.560.579 (bốn tỷ, sáu trăm, sáu mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi ngàn, năm trăm bảy mươi chín) đồng.

3 Giao cho bà Nguyễn Kim A được quyền sở hữu, sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất gồm: Đất có diện tích 189,3m^2; thửa 73, Tờ bản đồ 35; tại địa chỉ: Số 297, đường P, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (số cũ: M77/5, đường N, ấp H, xã H); hiện nay bà Nguyễn Kim A đứng tên; theo Giấychứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CS03418 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 03-6-2016. Nhà chính (nhà cấp 3 ở giữa trệt và lầu 1) diện tích 156,0 m^2, nhà tạm (phía trước nhà chính) diện tích 68,0 m^2, hàng rào phía trước nhà chính (cổng chính) diện tích 13,4 m^2, nhà cấp 3 bên phải nhà chính (ở giữa - trệt, tầng 1) diện tích 93,0 m^2; mái che (bên trái nhà chính- nhà cấp 3 ở giữa) diện tích 68 m^2, nhà cấp 4 diện tích 43,5m^2 và mái che nhà cấp 4 diện tích 43,5m^2.

4. Buộc bà Nguyễn Kim A có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hà Quốc Th số tiền 7.001.940.883 (bảy tỷ, không trăm lẻ một triệu, chín trăm bốn mươi ngàn, tám trăm tám mươi ba) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2021 bị đơn bà Nguyễn Kim A kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án về chia tài sản chung vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ngươi đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Do vi phạm một số thủ tục tố tụng: Tòa án sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện, không ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải không đúng trình tự, bản án bỏ qua nhiều nội dung, không cho bị đơn giám định lại Hợp đồng ủy quyền. Về nội dung: Căn cứ "Hợp đồng ủy quyền" lập tại Califonia ngày 29-6-201 có hợp pháp hóa lãnh sự và Thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng" lập ngày 25-11- 2015 thì ông Th đã giao cho bà A được toàn quyền sử dụng, định đoạt, nên bà A làm thủ tục và được cấp giấy, do đó bà A không đồng ý việc chia tài sản chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Căn cứ Hợp đồng ủy quyền ngày 29/6/2015 và thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng ngày 25/11/2015 là hợp đồng vô hiệu nên tài sản tranh chấp vẫn là tài sản chung vợ chồng, xét đến công sức đóng góp thì ông Th được hưởng 60%, bà A

được hưởng 40% là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về hình thức đơn kháng cáo của các đương sự lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Bà A kháng cáo nhưng không đưa ra căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Kim A nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án tòa án sơ thẩm xác định theo đúng quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn về phần chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn:

[2.1] Sở TN&MT tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03-6-2016 cho bà A căn cứ vào *Hợp đồng ủy quyền" lập tại California ngày 29-6-2015,* có hợp pháp hóa lãnh sự và văn bản "*Thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng" ngày 25-11-2015:*

+ Xét "*Hợp đồng ủy quyền"* lập tại Califonia ngày 29-6-2015, do bà A cung cấp:

Căn cứ vào Kết luận giám định số: 1823/C09B ngày 06-4-2021 của Viện Khoa học Hình sự thuộc Bộ Công an; xác định chữ ký tên và viết tên Hà Quốc Th dưới mục "*người ủy quyền*" trên "*Hợp đồng ủy quyền" lập tại Califonia ngày 29-6-2015,* do bà A cung cấp không phải chữ ký tên và chữ viết tên thật của ông Hà Quốc Th; do đó "*Hợp đồng ủy quyền"* lập tại Califonia ngày 29-6-2015 vô hiệu do giả tạo theo Điều 129 của Bộ luật Dân sự 2005 không được pháp luật dân sự của Việt Nam công nhận.

+ Xét Văn bản*"Thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng"* lập ngày 25-11- 2015 có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tân, huyện H, tỉnh Tây Ninh;

Bị đơn đã xác định chữ ký tên và chữ viết tên Hà Quốc Th trên văn bản này không phải là chữ ký tên và chữ viết tên thật của ông Hà Quốc Th; do bà A thuê người làm hồ sơ sang tên quyền sử dụng đất, bà A không biết ai đã ký tên và viết tên thay ông Hà Quốc Th; đồng thời Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tân, thị xã H cho biết sổ chứng thực hợp đồng giao dịch năm 2015 không có hợp đồng này; trong số chứng thực hợp đồng giao dịch năm 2015 không có hợp đồng giao dịch này, nên văn bản này giả tạo và bị vô hiệu.

Như vậy, cả hai hợp đồng trên đều vô hiệu do giả tạo nên có đủ cơ sở xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất gồm nhà và 1 tầng; diện tích đất đo đạc thực tế 189,3m^2 thuộc thửa 73, tờ bản đồ 35; địa chỉ: Số 297, đường P, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh vẫn là tài sản chung của ông Th và bà A trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Hà Quốc Th là có căn cứ.

[2.2] Xác định công sức đóng góp để hình thành tài sản chung của vợ chồng:

Theo ông Th trình bày tài sản chung hình thành do chủ yếu ông làm kinh tế và dùng tiền bán nhà của cha mẹ cho ông Th. Còn bà A xác định ông Th có bán nhà nhưng cho rằng ông dùng tiền vào việc riêng chứ không phải để mua tài sản này nhưng bà không có căn cứ chứng minh.

Như vậy có cơ sở xác định tài sản chung đang tranh chấp có 1 phần nguồn từ tài sản của cha mẹ đẻ ông Th cho trong thời kỳ hôn nhân; được phát triển đến nay và phần lớn do công sức của ông Th làm kinh tế gia đình, tạo lập và quản lý. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Th chia tài sản chung cho ông Th 60% giá trị tài sản với số tiền 7.001.940.883 (bảy tỷ, không trăm lẻ một triệu, chín trăm bốn mươi ngàn, tám trăm, tám mươi ba) đồng; chia cho bà A 40% giá trị tài sản chung với số tiền 4.667.560.579 (bốn tỷ, sáu trăm, sáu mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi ngàn, năm trăm bảy mươi chín) đồng là có cơ sở. Do ông Th có nhu cầu chia bằng tiền, giao bà A quản lý và sử dụng nhà và đất là phù hợp, bà A có nghĩa vụ thanh toán số tiền 7.001.940.883 (bảy tỷ, không trăm lẻ một triệu, chín trăm bốn mươi ngàn, tám trăm, tám mươi ba) đồng cho ông Th.

[3] Bị đơn kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Kim A do là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Kim A

Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm về phần tài sản chung.

Căn cứ Điều 33, 38, 56, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Quốc Th đối với bà Nguyễn Kim A:

Về tài sản chung: Tổng giá trị tài sản chung ông Hà Quốc Th yêu cầu chia có giá trị 11.669.901.473 (mười một tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm lẻ một ngàn, bốn trăm bảy mươi ba) đồng;

- Chia cho ông Hà Quốc Th số tiền 7.001.940.883 (bảy tỷ, không trăm lẻ một triệu, chín trăm bốn mươi ngàn, tám trăm tám mươi ba) đồng.

- Chia cho bà Nguyễn Kim A số tiền 4.667.560.579 (bốn tỷ, sáu trăm, sáu mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi ngàn, năm trăm bảy mươi chín) đồng.

- Giao cho bà Nguyễn Kim A được quyền sở hữu, sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất gồm: Đất có diện tích 189,3m^2; thửa 73, Tờ bản đồ 35; tại địa chỉ: Số 297, đường P, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (số cũ: M77/5, đường N, ấp H, xã H); hiện nay bà Nguyễn Kim A đứng tên; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CS03418 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 03-6-2016. Nhà chính (nhà cấp 3 ở giữa trệt và lầu 1) diện tích 156,0 m^2, nhà tạm (phía trước nhà chính) diện tích 68,0 m^2, hàng rào phía trước nhà chính (cổng chính) diện tích 13,4 m^2, nhà cấp 3 bên phải nhà chính (ở giữa - trệt, tầng 1) diện tích 93,0 m^2; mái che (bên trái nhà chính-nhà cấp 3 ở giữa) diện tích 68 m^2, nhà cấp 4 diện tích 43,5m^2 và mái che nhà cấp 4 diện tích 43,5m^2.

- Buộc bà Nguyễn Kim A có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hà Quốc Th số tiền 7.001.940.883 (bảy tỷ, không trăm lẻ một triệu, chín trăm bốn mươi ngàn, tám trăm tám mươi ba) đồng.

Kể từ ngày ông Hà Quốc Th có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Kim A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Kim A được miễn án phí.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tây Ninh; (1)
- VKSND tỉnh Tây Ninh; (1)
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh; (1)
- Đương sự (4)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) 15b (MTTT)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thanh Duyên